

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm các hạng mục cải tạo sửa chữa theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đính kèm E-HSMT.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại số 629 Trần Hưng Đạo, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình và được xác định tại Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đính kèm E-HSMT.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: Tối đa <i>[ghi thời gian đề xuất trong E-HSMT]</i> ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: Tối đa <i>[ghi thời gian đề xuất trong E-HSMT]</i> ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Theo thông báo của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là:
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có];</i> - Tư vấn giám sát là: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát];</i>
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không quy định
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Cụ thể hóa trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành thi công công trình theo xác nhận của các bên có liên quan tại Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng công trình.

E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 01 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 05 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT]</i>
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Nhà thầu chỉ được ký kết hợp đồng thầu phụ đúng năng lực hành nghề, năng lực hoạt động của nhà thầu phụ. Nhà thầu không được giao thầu phụ bất cứ công việc nào mà không có sự đồng ý của Chủ đầu tư. Các hợp đồng thầu phụ này phải thống nhất, đồng bộ với hợp đồng chính đã ký với Chủ đầu tư.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: 1. Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm theo quy định tại Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 như sau: - Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư nhưng được đưa vào phạm vi công việc/giá dự toán gói thầu này và giao cho Nhà thầu thực hiện: giá trị tài sản bảo hiểm: 5.077.602.729 đồng; Phí bảo hiểm: tối thiểu 5.039.283 đồng; - Bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường; - Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba. 2. Chi phí mua bảo hiểm được tính trong giá dự thầu. 3. Nhà thầu phải cung cấp chứng từ cho Chủ đầu tư để chứng minh là Nhà thầu đã mua đầy đủ các bảo hiểm nêu trên khi Chủ đầu tư có yêu cầu.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình <i>[ghi số ngày bảo hành công trình của nhà thầu đề xuất trong E-HSĐT]</i> ngày, kể từ ngày bàn giao đưa công trình vào sử dụng.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: - Địa điểm: Tòa nhà Trụ sở chi nhánh VCB Nam Định, số 629 Trần Hưng Đạo, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

	- Hiện trạng công trình: Theo bản vẽ hiện trạng trong Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đính kèm E-HSMT.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Chủ đầu tư sẽ bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu tiếp nhận, sử dụng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa 28 ngày. Giải quyết tranh chấp: Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 28 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án nhân dân nơi đặt trụ sở chính của Chủ đầu tư) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: Theo thông báo của Chủ đầu tư. - Ngày hoàn thành dự kiến: Tối đa <i>[ghi thời gian đề xuất trong E-HSMT]</i> ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 03 ngày - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 5.000.000 VND .
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: - Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; - Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra; - Nhà thầu tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư khi các hướng dẫn của Chủ đầu tư đúng quy định, mới phát sinh, không nằm trong thỏa thuận đã có trước đó. - Do Chủ đầu tư không hoặc chậm thanh toán vốn theo quy định của hợp đồng.
C. Quản lý chất lượng	

E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 42.1	<p>Tạm ứng:</p> <p>a) Giá trị tạm ứng: 25% giá trị hợp đồng.</p> <p>b) Hồ sơ tạm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị tạm ứng của Nhà thầu; - Bảo lãnh tiền tạm ứng (bản gốc) có giá trị tương đương giá trị tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng do một ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (ngoại trừ các chi nhánh thuộc hệ thống Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) và phải tuân thủ theo Mẫu số 16 E-HSMT; - Tài liệu chứng minh nhà thầu đã mua Bảo hiểm theo quy định tại ĐKC 19 (bản sao có chứng thực của Hợp đồng bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm). <p>c) Tiền tạm ứng được thu hồi toàn bộ tại đợt thanh toán đầu tiên. Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực/giá trị của Bảo lãnh tiền tạm ứng cho tới khi Chủ đầu tư thu hồi hết toàn bộ số tiền đã tạm ứng vào thời điểm 10 ngày trước ngày hết hạn.</p> <p>d) Thời gian tạm ứng: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư nhận đầy đủ hồ sơ tạm ứng hợp lệ của Nhà thầu.</p>
E-ĐKC 44.1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>1. Thanh toán hàng kỳ:</p> <p>1.1. Giá trị Nhà thầu được thanh toán hàng kỳ bằng 90% giá trị khối lượng thực hiện hoàn thành được chấp nhận thanh toán của mỗi kỳ thanh toán trừ đi khoản tiền thu hồi tạm ứng trong từng đợt theo quy định tại Mục E-ĐKC 42.1.</p> <p>Giá trị khối lượng thực hiện hoàn thành được chấp nhận thanh toán hàng kỳ được xác định trên cơ sở khối lượng nghiệm thu thực tế nhưng không vượt quá khối lượng quy định trong hợp đồng nhân với đơn giá ghi trong</p>

hợp đồng. Phần khối lượng vượt khối lượng theo hợp đồng sẽ được hai bên xem xét tại thời điểm quyết toán công trình.

1.2. Số lần thanh toán:

- Trong giai đoạn thi công: 01 lần.

- Sau khi công trình được nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng: 01 lần (thanh toán tối đa đến 90% giá trị hợp đồng).

1.3. Hồ sơ thanh toán:

a) Trong giai đoạn thi công:

- Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu trong đó cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng; giảm trừ tiền tạm ứng; giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản;

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Nhà thầu, đại diện Tư vấn giám sát và đại diện Chủ đầu tư;

- Bảng tính giá trị khối lượng công việc hoàn thành thực tế được nghiệm thu trong giai đoạn thanh toán theo đơn giá ghi trong hợp đồng có xác nhận của đại diện Nhà thầu, đại diện Tư vấn quản lý dự án và đại diện Chủ đầu tư;

- Hoá đơn thuế GTGT (tương ứng với giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng được nghiệm thu).

b) Sau khi công trình được nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư hồ sơ đề nghị quyết toán hợp đồng theo quy định của pháp luật hiện hành với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu trong đó cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng; giá trị đã thanh toán hoặc tạm thanh toán và giá trị còn lại đề nghị thanh toán;

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng có xác nhận của đại diện Nhà thầu, đại diện Tư vấn giám sát, đại diện Tư vấn quản lý dự án, đại diện Tư vấn thiết kế và đại diện Chủ đầu tư;

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc thuộc phạm vi hợp đồng và công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng có xác nhận của đại diện Nhà thầu, đại diện Tư vấn giám sát và đại diện Chủ đầu tư;

	<p>- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (gọi là Quyết toán A - B) trong đó nêu rõ: giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng; giá trị đã thanh toán hoặc tạm thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu có xác nhận của đại diện Nhà thầu, đại diện Tư vấn quản lý dự án và đại diện Chủ đầu tư;</p> <p>- Hoá đơn thuế GTGT (tương ứng với giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng được nghiệm thu).</p> <p>c) Trường hợp trong kỳ đề nghị thanh toán có khối lượng hoàn thành phần thiết bị là hàng hóa nhập khẩu: Nhà thầu phải xuất trình cho chủ đầu tư bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu liên quan đến thiết bị như: Chứng nhận chất lượng (CQ), Chứng nhận xuất xứ (CO), Vận đơn (Bill of Lading), chi tiết hàng hóa (Packing list).</p> <p>2. Quyết toán hợp đồng:</p> <p>a) Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 100% giá trị quyết toán hợp đồng được phê duyệt sau khi nhận được thư Bảo lãnh bảo hành công trình hoặc Chủ đầu tư giữ lại khoản tiền tương ứng 5% giá trị quyết toán hợp đồng để Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình.</p> <p>b) Hồ sơ thanh toán:</p> <p>- Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu trong đó cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị đã thanh toán hoặc tạm thanh toán và giá trị còn lại đề nghị thanh toán.</p> <p>- Bảng khối lượng và giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng (theo giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt) có xác nhận của đại diện Nhà thầu và đại diện Chủ đầu tư.</p> <p>- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (theo giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt), trong đó nêu rõ: giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị đã thanh toán hoặc tạm thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu có xác nhận của đại diện Nhà thầu và đại diện Chủ đầu tư;</p> <p>- Bảo lãnh trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình theo mẫu được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>3. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.</p> <p>4. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản của Nhà thầu nêu tại Hợp đồng.</p>
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép

	Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 10%
E-ĐKC 47.1(d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có khối lượng công việc mới phát sinh, chưa được quy định đơn giá trong hợp đồng ban đầu. - Khi dự án được điều chỉnh có ảnh hưởng đến hợp đồng. - Các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật; các tình huống không thể lường trước khi ký hợp đồng và nằm ngoài phạm vi công việc. - Khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng; - Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của chủ đầu tư. - Các trường hợp khác do các bên thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: 3.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba triệu đồng) cho 01 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Nếu giá trị phạt vi phạm Hợp đồng quá 12% Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu sẽ bị tịch thu tiền bảo đảm thực hiện Hợp đồng và phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư và chịu phạt theo quy định của Hợp đồng
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế. <p>1. Đối với Nhà thầu:</p> <p>a) Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng công việc không bảo đảm với thỏa thuận trong hợp đồng hoặc kéo dài thời hạn hoàn thành do lỗi của Nhà thầu gây ra. - Do nguyên nhân của Nhà thầu dẫn tới gây thiệt hại cho người và tài sản trong quá trình thi công và trong thời gian bảo hành công trình.

b) Nhà thầu phải thực hiện trách nhiệm bồi thường (thông qua doanh nghiệp bảo hiểm) theo quy định của Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 đối với:

- Trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư đối với các tổn thất của công trình trong thời gian xây dựng phát sinh từ mọi rủi ro;

- Trách nhiệm bồi thường cho người lao động bị thương tật, chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phát sinh do thực hiện công việc thi công trên công trường;

- Trách nhiệm bồi thường cho người thứ ba đối với những thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có).

c) Việc nghiệm thu, thanh toán của Chủ đầu tư không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu đối với toàn bộ công việc thực hiện theo hợp đồng. Trường hợp phát hiện các sai sót trong quá trình thực hiện hợp đồng do lỗi chủ quan của Nhà thầu và/hoặc có liên quan đến trách nhiệm của Nhà thầu theo hợp đồng (bao gồm nhưng không giới hạn qua các cuộc kiểm tra/kiểm toán/thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật) mà dẫn đến tổn thất về tài chính cho Chủ đầu tư, Nhà thầu phải bồi thường toàn bộ thiệt hại theo thông báo của Chủ đầu tư (kể cả khi hợp đồng đã thanh lý theo quy định).

2. Đối với Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư phải bồi thường cho Nhà thầu trong các trường hợp sau:

a) Do nguyên nhân của Chủ đầu tư dẫn tới công việc theo hợp đồng bị gián đoạn, thực hiện chậm tiến độ, gặp rủi ro, điều phối máy, thiết bị, vật liệu và cấu kiện tồn kho cho Nhà thầu;

b) Chủ đầu tư cung cấp tài liệu, điều kiện cần thiết cho công việc không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng làm cho Nhà thầu phải thi công lại, tạm dừng hoặc sửa đổi công việc;

c) Trường hợp trong hợp đồng xây dựng quy định Chủ đầu tư cung cấp nguyên vật liệu, thiết bị, các yêu cầu khác mà cung cấp không đúng thời gian và yêu cầu theo quy định;

d) Chủ đầu tư chậm thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Trường hợp một bên không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng hoặc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng không phù hợp với quy định thì sau khi thực hiện nghĩa vụ hoặc áp dụng biện pháp sửa chữa còn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu bên kia còn bị những thiệt hại khác, mức bồi thường thiệt hại phải tương đương với mức tổn thất của bên kia.

	<p>4. Trường hợp một bên vi phạm hợp đồng do nguyên nhân của bên thứ ba, bên vi phạm phải chịu trách nhiệm vi phạm hợp đồng trước bên kia. Tranh chấp giữa bên vi phạm với bên thứ ba được giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Trường hợp hành vi vi phạm hợp đồng của một bên xâm hại tới thân thể, quyền lợi, tài sản của bên kia, bên bị tổn hại có quyền yêu cầu bên kia gánh chịu trách nhiệm vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.</p>
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 07 ngày kể từ khi Nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Nộp cùng hồ sơ quyết toán công trình theo quy định tại Mục E-ĐKC 56.1(a).
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 0 VND.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.